

Công văn

Tiền Giang, ngày 16 tháng 02 năm 2017

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
V/v: Giải trình KQKD riêng Quý 1/2017
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN Số: 5609
Ngày: 22/2/17
Chuyển: N.M. S.H.
Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, áp dụng tại Mục 4, Mục 5, Điều 11:

"4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
- Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;
- Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

5. Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn có công ty con, công ty liên kết hoặc có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cả cơ sở báo cáo tài chính của bản thân công ty đó và báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp. ..."

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng quý 1 năm 2017 của Công ty Cổ phần Hùng Vương:

Công ty Cổ phần Hùng Vương (mã CK: HVG) có giải trình như sau:

Chỉ tiêu	Quý 1/2017	Quý 1/2016	Chênh lệch	
			VND	%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.060.334.581.375	1.965.512.843.886	1.094.821.737.489	56%
2. Các khoản giảm trừ	-	2.409.705.379	(2.409.705.379)	-100%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.060.334.581.375	1.963.103.138.507	1.097.231.442.868	56%
4. Giá vốn hàng bán	3.042.481.136.035	1.922.582.771.749	1.119.898.364.286	58%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.853.445.340	40.520.366.758	(22.666.921.418)	-56%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	119.455.140.953	90.423.148.283	29.031.992.670	32%
7. Chi phí tài chính	71.268.241.664	52.586.801.258	18.681.440.406	36%
Trong đó: Chi phí lãi vay	54.618.826.615	41.986.620.600	12.632.206.015	30%
9. Chi phí bán hàng	41.868.843.900	69.261.276.597	(27.392.432.697)	-40%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.359.584.000	8.231.426.508	2.128.157.492	26%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.811.916.729	864.010.678	12.947.906.051	1499%



Chỉ tiêu	Quý 1/2017	Quý 1/2016	Chênh lệch	
			VND	%
12. Thu nhập khác	1.363.200	1.806.693.042	(1.805.329.842)	-100%
13. Chi phí khác	4.695.019.462	611.788.346	4.083.231.116	667%
14. Lợi nhuận khác	(4.693.656.262)	1.194.904.696	(5.888.560.958)	-493%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.118.260.467	2.058.915.374	7.059.345.093	343%
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	0%
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	0%
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.118.260.467	2.058.915.374	7.059.345.093	343%

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 56%, trong đó:

- Doanh thu xuất khẩu tăng 35% nhờ giá cá tra fillet xuất khẩu tăng ở hầu hết các thị trường
- Doanh thu bán thủy sản nội địa tăng 2,4 lần nhờ giá cá nguyên liệu trên thị trường tăng, công ty đẩy mạnh việc bán nguyên liệu ra ngoài.

Do không đủ nguồn cung cấp cá giống, nông dân buộc phải cắt giảm sản lượng nuôi trồng. Trong khi đó, nhu cầu tiêu thụ tăng mạnh đẩy giá cá nguyên liệu và giá cá fillet xuất khẩu tăng theo. Dự báo sẽ tiếp tục tăng trong những tháng tới.

- Doanh thu nội địa từ nguyên liệu chế biến thức ăn (bã đậu nành, cám, lúa mì ...) tăng 24%. Khoản doanh thu bán bã đậu nành hạch toán trong quý 4/2016 kiểm toán loại trừ do sai niên độ đã được ghi nhận trong quý 1/2017 này.
 - Doanh thu bán phụ phẩm tăng 22%
2. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 56%, tỷ lệ lãi gộp chung tương ứng giảm 1,5%, trong đó:
- Tỷ lệ lãi gộp từ hoạt động kinh doanh nguyên liệu chế biến thức ăn (bã đậu nành, cám, lúa mì ...) quý 1/2017 là (1,1%), giảm 3,8% so với quý 1/2016 do giá bã đậu nành trên thị trường giảm sâu từ nửa cuối năm 2016 trong khi công ty đã nhập khẩu một số lượng lớn bã đậu nành với giá cao trước đó.
 - Giá nguyên liệu chế biến thức ăn tăng cũng ảnh hưởng tới hoạt động nuôi trồng và chế biến xuất khẩu. Theo đó, tỷ lệ lãi gộp từ hoạt động xuất khẩu giảm 3,9%
3. Doanh thu hoạt động tài chính tăng 3% chủ yếu là phần cổ tức, lợi nhuận được chia về từ các công ty con
4. Chi phí tài chính tăng 36% chủ yếu do tăng chi phí lãi vay.
5. Chi phí bán hàng giảm 40% chủ yếu do giảm chi phí vận chuyển nội địa
6. Các chỉ tiêu khác ảnh hưởng không đáng kể.

Trên đây là giải trình cho các chênh lệch trọng yếu của Báo cáo tài chính riêng quý 1 năm 2017 so với quý 1 năm 2016 của Công ty Cổ phần Hùng Vương.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TCKT, VP



DƯƠNG NGỌC MINH

Công văn

Tiền Giang, ngày 16 tháng 02 năm 2017

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
 V.V. Giải trình KQKD hợp nhất Quý 1/2017
 TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN

Số: 5610

Ngày: 21/2/17

Chuyển: M. M.

Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, áp dụng tại Mục 4, Mục 5, Điều 11:

"4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
- b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
- c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;
- d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

5. Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn có công ty con, công ty liên kết hoặc có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cả cơ sở báo cáo tài chính của bản thân công ty đó và báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp. ..."

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2017 của Công ty Cổ phần Hùng Vương:

Công ty Cổ phần Hùng Vương (mã CK: HVG) có giải trình như sau:

Chỉ tiêu	Quý 1/2017	Quý 1/2016	Chênh lệch	
			VND	%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.810.393.468.282	5.622.049.418.208	188.344.050.074	3%
2. Các khoản giảm trừ	23.253.006.519	38.218.723.192	(14.965.716.673)	-39%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.787.140.461.763	5.583.830.695.016	203.309.766.747	4%
4. Giá vốn hàng bán	5.480.733.879.354	5.239.629.467.824	241.104.411.530	5%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	306.406.582.409	344.201.227.192	(37.794.644.783)	-11%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	15.172.037.189	22.539.036.027	(7.366.998.838)	-33%
7. Chi phí tài chính	166.331.198.454	115.793.712.065	50.537.486.389	44%
Trong đó: Chi phí lãi vay	132.676.498.465	95.368.916.798	37.307.581.667	39%
8. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	32.941.989.136	30.776.263.855	2.165.725.281	7%
9. Chi phí bán hàng	104.028.298.533	148.679.142.281	(44.650.843.748)	-30%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	43.626.556.665	67.008.369.840	(23.381.813.175)	-35%

Chỉ tiêu	Quý 1/2017	Quý 1/2016	Chênh lệch	
			VND	%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	40.534.555.082	66.035.302.888	(25.500.747.806)	-39%
12. Thu nhập khác	2.108.836.161	4.139.606.111	(2.030.769.950)	-49%
13. Chi phí khác	5.250.166.503	1.889.819.138	3.360.347.365	178%
14. Lợi nhuận khác	(3.141.330.342)	2.249.786.973	(5.391.117.315)	-240%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.393.224.740	68.285.089.861	(30.891.865.121)	-45%
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.926.219.667	12.488.350.926	(2.562.131.259)	-21%
17. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(3.036.145.495)	(3.028.427.153)	(7.718.342)	0%
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30.503.150.568	58.825.166.088	(28.322.015.520)	-48%
Trong đó:				
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	9.712.880.183	39.877.859.691	(30.164.979.508)	-76%
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	20.790.270.385	18.947.306.397	1.842.963.988	10%

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 3%, trong đó:

- Doanh thu xuất khẩu tăng 16% nhờ giá cá tra fillet xuất khẩu tăng ở hầu hết các thị trường
- Doanh thu nội địa từ nguyên liệu chế biến thức ăn (bã đậu nành, cám, lúa mì ...) tăng 46%. Khoản doanh thu bán bã đậu nành hạch toán trong quý 4/2016 kiểm toán loại trừ do sai niên độ đã được ghi nhận trong quý 1/2017 này.
- Doanh thu từ thức ăn chăn nuôi giảm 31% do không đủ nguồn cung cấp cá giống, nông dân buộc phải cắt giảm sản lượng nuôi trồng. Điều này cũng dự báo một năm 2017 thiếu hụt nguồn cá tra nguyên liệu.

2. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 11%, tỷ lệ lãi gộp chung tương ứng giảm 0,9%, trong đó:

- Tỷ lệ lãi gộp từ hoạt động kinh doanh nguyên liệu chế biến thức ăn (bã đậu nành, cám, lúa mì ...) quý 1/2017 là (1,1%), giảm 3,3% so với quý 1/2016 do giá bã đậu nành trên thị trường giảm sâu từ nửa cuối năm 2016 trong khi công ty đã nhập khẩu một số lượng lớn bã đậu nành với giá cao trước đó.
- Giá nguyên liệu đầu vào tăng cũng ảnh hưởng tới hoạt động xuất khẩu và kinh doanh thức ăn. Theo đó, tỷ lệ lãi gộp từ 2 hoạt động này lần lượt giảm 1,3% và 0,2%
- Tỷ lệ lãi gộp từ hoạt động bán thủy sản nội địa ngược lại, tăng 2,4% nhờ giá cá nguyên liệu trên thị trường tăng.

Nguồn cung cấp cá nguyên liệu giảm mạnh (đã đề cập ở trên) trong khi nhu cầu tiêu thụ tăng làm cho giá cá nguyên liệu và giá cá fillet xuất khẩu tăng theo. Dự báo sẽ tiếp tục tăng trong những tháng tới.

3. Chi phí tài chính tăng 44% chủ yếu do tăng chi phí lãi vay. Các dự án công ty đang đầu tư bao gồm 2 dự án nuôi heo công nghệ cao, 2 dự án thức ăn chăn nuôi, 1 dự án kho lạnh - hiện sử dụng 70% nguồn vốn vay. Dự kiến quý 2/2018 các dự án bắt đầu đem lại lợi nhuận.



4. Chi phí bán hàng giảm 30% chủ yếu do giảm chi phí vận chuyển nội địa
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 35% chủ yếu do giảm chi phí khấu hao và các chi phí chi bằng tiền khác
6. Các chi tiêu khác ảnh hưởng không đáng kể.

Trên đây là giải trình cho các chênh lệch trọng yếu của Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2017 so với quý 1 năm 2016 của Công ty Cổ phần Hùng Vương.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TCKT, VP



DƯƠNG NGỌC MINH

